**2.BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1.* *Khái quát về cơ thể người (1 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| Tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. | **Nhận biết** | - Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. |  | 1 |  | C1 |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** |  |  |  |  |  |
| ***2. Hệ vận động ở người (3 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| Chức năng của hệ vận động ở người. | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. |  | **1** |  | C2 |
| Bảo vệ hệ vận động | **Nhận biết** | - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình).  - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.  - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | - Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư. |  |  |  |  |
| ***3. Hệ hô hấp ở người (3 tiết )*** | | | | | | |
|  | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ hô hấp. |  | **1** |  | C3 |
|  | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. | **1** |  |  | C13 |
| **Thông hiểu** | - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.  - Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. |  | 1 |  | C7 |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | - Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh.  - Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá.  - Thực hành:  + Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước;  + Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá. |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm thân nhiệt.  - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.  - Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.  - Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.  - Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | Thực hành được cách đo thân nhiệt. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. |  |  |  |  |
| ***4. Da và điều hoà thân nhiệt ở người (3 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| Chức năng và cấu tạo da người | **Nhận biết** | - Nêu được cấu tạo sơ lược của da.  - Nêu được chức năng của da. |  | **1** |  | C4 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.  - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. |  |  |  |  |
| Chăm sóc và bảo vệ da  Thân nhiệt | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. |  |  |  |  |
| **Vận dụng thấp** | Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.  - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học. |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm thân nhiệt.  - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.  - Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.  - Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.  - Nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | Thực hành được cách đo thân nhiệt. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh. |  |  |  |  |
| ***5. Sinh sản (3 tiết)*** | | | | | | |
| Chức năng, cấu tạo của hệ sinh dục | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ sinh dục.  - Kể tên được các cơ quan sinh dục nam và nữ. |  | 1 |  | C5 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.  - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt. |  |  |  |  |
| Bảo vệ hệ sinh dục và Bảo vệ sức khoẻ sinh sản. | **Nhận biết** | - Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).  - Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được cách phòng tránh thai.  - Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.  - Trình bày được cách phòng chống các bệnh lây truyền qua đường sinh dục (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). | **1** |  | C14 |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân. | **1** |  | C16 |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục). |  |  |  |  |
| ***6. Môi trường và các nhân tố sinh thái (2 tiết)*** | | | | | | |
| Khái niệm | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ quần thể. |  |  |  |  |
| Nhân tố sinh thái vô sinh, hữu sinh | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh hoạ.  - Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Giải thích được nhân tố hữu sinh trong đó con người là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất tới đời sống của nhiều loài sinh vật | **1** |  | C15 |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| ***7. Năng lượng nhiệt và nội năng (2 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| Khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. |  | 1 |  | C10 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| ***8. Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng Joulemeter (2 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| ***Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng Joulemeter*** | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng thấp** | - Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter). |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** |  |  |  |  |  |
| ***9. Sự truyền nhiệt (3 tiết)*** | | |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó. |  | 1 |  | C9 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính.  - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. | **1** |  |  | C18 |
| **Vận dụng bậc cao** |  |  |  |  |  |
| ***10. Sự nở vì nhiệt (2 tiết)*** |  |  |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết** | - Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. | 1 | 1 | C12 | C17 |
|  | **Thông hiểu** | - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt. |  | 1 | C11 |  |
|  | **Vận dụng thấp** | - Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. | 1 |  | C19 |  |
|  | **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |